

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ AIFVINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ AIFVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AIFVINA TECHNICAL SERVICES AND MATERIALS SUPPLY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AIFVINA CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109219110

3. Ngày thành lập: 11/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm 3, Thôn Đồng Châm, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0818598088

Fax:

Email: aifvinavn@gmail.com

Website: aifvina.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
2.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây; Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như : giá sách, kệ... bằng gỗ, song mây	4649
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn sơn, vecni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
10.	Bán buôn tổng hợp	4690
11.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
12.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

13.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
16.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan; Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp; Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng	4759
19.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
20.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
21.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm làm bằng kim loại dùng cho xây dựng và công nghiệp; bán lẻ que hàn và nguyên phụ liệu sản xuất que hàn; bán lẻ các thiết bị nâng hạ; bán lẻ máy, chi tiết và phụ tùng máy hàn, máy tiện, máy cắt, máy khoan các loại	4773
22.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
23.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết bao gồm - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất	7410
25.	Cho thuê xe có động cơ	7710
26.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: + Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng + Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) + Cho thuê các thiết bị truyền thanh, truyền hình	7730

27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
29.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
30.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
31.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
32.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
33.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
34.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
35.	Đúc sắt, thép	2431
36.	Bốc xếp hàng hóa	5224
37.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
39.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
40.	Lập trình máy vi tính	6201
41.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình - Giám sát thi công xây dựng	7110
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
47.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
48.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
49.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
50.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
51.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý; Môi giới	4610
53.	Đúc kim loại màu	2432
54.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
55.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811

56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58.	Tái chế phế liệu	3830
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
60.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
62.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
63.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
64.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
65.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
66.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
67.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
70.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
71.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
72.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
73.	Sản xuất đồng hồ	2652
74.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
75.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
76.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất máy cắt, máy hàn, máy hàn nhiệt, máy khoan cầm tay	2790
83.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
84.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
85.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
86.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815

87.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
88.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
89.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
90.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
93.	Sản xuất máy luyện kim	2823
94.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
95.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
96.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
97.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
98.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
99.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
100.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
101.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
102.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất que hàn và sản xuất nguyên phụ liệu làm que hàn	3290
103.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
104.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
105.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
106.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
107.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
108.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác trừ hoạt động đấu giá	4530
111.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy trừ hoạt động đấu giá	4543
112.	Bán buôn thực phẩm	4632
113.	Bán buôn đồ uống	4633

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	KHÔNG PHƯƠNG ANH	Xóm 3, Thôn Đồng Chằm, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.120.000.000	70,000	013397344	
2	NGUYỄN VIỆT KIÊN	Xóm Trung Thành, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	480.000.000	30,000	C7495460	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C7495460

Ngày cấp: 03/06/2019

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Trung Thành, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Trung Thành, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội